

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ PHÚC**

Số: 718/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mỹ Phúc, ngày 11 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
Ngân sách xã Mỹ Phúc quý 3 năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ PHÚC

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 /6/2015;

Căn cứ luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành 1 số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND xã Mỹ Phúc về việc phân bổ dự toán thu chi cho ngân sách xã năm 2024 .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện ngân sách xã Mỹ Phúc quý 3 năm 2024 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Văn phòng HĐND – UBND xã, công chức tài chính kế toán tổ chức thực hiện theo Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐND TP. Nam Định;
- UBND TP. Nam Định
- Phòng TC - KH TP ;
- Đảng ủy - HĐND - UBND xã;
- MTTQ, các Đoàn thể xã ;
- Lưu: VP./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



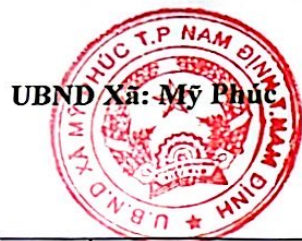
Đặng Huy Hiệp

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	11.861.000	8.746.329	73,74
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	177.000	5.623	3,18
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	6.589.000	5.857.152	88,89
3	Thu bổ sung	5.095.000	2.883.554	56,60
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.095.000	848.000	16,64
	- Bổ sung có mục tiêu		2.035.554	
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	11.861.000	5.299.871	44,68
1	Chi đầu tư phát triển	5.400.000	3.961.621	73,36
2	Chi thường xuyên	6.288.500	1.338.250	21,28
3	Dự phòng	172.500		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Xã: Mỹ Phúc

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	24.912.000.000	11.861.000.000	21.116.755.301	8.746.328.925	84,77	73,74
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	24.912.000.000	11.861.000.000	21.116.755.301	8.746.328.925	84,77	73,74
I	Các khoản thu 100%	177.000.000	177.000.000	5.623.000	5.623.000	3,18	3,18
1	Phí, lệ phí	47.000.000	47.000.000	5.623.000	5.623.000	11,96	11,96
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	10.000.000	10.000.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước						
7	Thu khác	120.000.000	120.000.000				
8	Thu đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	19.640.000.000	6.589.000.000	18.227.577.886	5.857.151.510	92,81	88,89
	Các khoản thu phân chia (1)						
1	Thuế thu nhập cá nhân	870.000.000	609.000.000	572.772.308	400.940.619	65,84	65,84
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	210.000.000	147.000.000	13.874.865	9.712.406	6,61	6,61
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	400.000.000	280.000.000	269.546.601	188.682.623	67,39	67,39
5	Thu tiền sử dụng đất	18.000.000.000	5.400.000.000	17.305.097.500	5.191.529.250	96,14	96,14
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	10.000.000	3.000.000				
7	Thuế tài nguyên						
8	Thuế GTGT, TNDN	150.000.000	150.000.000	66.286.612	66.286.612	44,19	44,19
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.095.000.000	5.095.000.000	2.883.554.415	2.883.554.415	56,60	56,60
	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	5.095.000.000	5.095.000.000	848.000.000	848.000.000	16,64	16,64
	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên			2.035.554.415	2.035.554.415		
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)						



UBND Xã Mỹ Phúc

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	11.861.000	5.400.000	6.461.000	5.299.871	3.961.621	1.338.250	44,68	73,36	20,71
	Trong đó:									
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	5.400.000	5.400.000							
I	Chi đầu tư phát triển (1)	5.400.000	5.400.000							
I	Chi đầu tư phát triển (1)	5.400.000	5.400.000							
2	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	851.100		851.100	152.281		152.281	17,89		17,89
2	Chi sự nghiệp giáo dục	79.300		79.300	1.483.718	1.482.782	936	1.871,02		1,18
3	Chi sự nghiệp đào tạo	21.400		21.400						
4	Chi sự nghiệp y tế	39.500		39.500	6.178		6.178	15,64		15,64
5	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	135.000		135.000	783.466	728.148	55.318	580,35		40,98
6	Sự nghiệp đài truyền thanh	41.000		41.000	5.335		5.335	13,01		13,01
7	Sự nghiệp thể dục thể thao	11.700		11.700	8.400		8.400	71,79		71,79
8	Chi sự nghiệp môi trường	134.900		134.900	54.000		54.000	40,03		40,03
9	Sự nghiệp kinh tế	221.600		221.600	1.570.400	1.469.572	100.828	708,66		45,50
	Các sự nghiệp khác	25.000		25.000	100.541	100.541		402,16		
7	Sự nghiệp xã hội	186.000		186.000	24.882		24.882	13,38		13,38
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	4.567.000		4.567.000	1.211.211	281.119	930.092	26,52		20,37
10	Chi khác									
III	Dự phòng	172.500		172.500						
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có)									